

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN KANG LONG LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN KANG LONG LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KANG LONG LAND JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KANG LONG LAND ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400910582

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố Trung Đồng, Thị Trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0934447679

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                       | 0129     |
| 2.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                          | 0131     |
| 3.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                           | 0132     |
| 4.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                | 0150     |
| 5.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                      | 0899     |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật, cơ sở hạ tầng khu đô thị;                                | 3320     |
| 7.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết: Thu gom, tái chế và xử lý các loại rác thải, chấ thải                                                                         | 3900     |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                               | 4511     |
| 9.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                       | 4512     |
| 10. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                 | 4513     |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại; Đại lý bán lẻ xăng, dầu, mỡ (Không bao gồm đấu giá bất động sản và đấu giá tài sản) | 4610     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                           | 4632     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu xây dựng, máy móc và thiết bị ngành xây dựng                                                            | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn đá quý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669        |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Kinh doanh siêu thị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4719        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4721        |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: đồ trang sức, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại (Trừ đồ cổ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4773        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng khách theo hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4932        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Khai thác điểm đỗ xe, trông giữ các loại ô tô, xe máy và dịch vụ bến bãi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225        |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 22. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810(Chính) |
| 23. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn về quản lý, môi giới bất động sản (không hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6820        |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Lập hồ sơ mời thầu - Chuẩn bị hồ sơ dự thầu - Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình dân dụng, công nghiệp - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng - Thiết kế cấp thoát nước công trình dân dụng - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp - Thiết kế kiến trúc công trình. Bổ sung thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế nội, ngoại thất công trình. | 7110        |
| 25. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh môi trường, dọn dẹp vệ sinh công nghiệp; - Dịch vụ vệ sinh công nghiệp, dọn dẹp và tạo mặt bằng xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8129        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Ủy thác mua, bán hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 260.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                             | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                              | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐÔ THỊ KANG LONG | Tầng KT2A, Tòa nhà HongKong Tower, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.400.000 | 104.000.000.000       | 40,000    | 0102133792                                                                                  |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Tổng số                   | 10.400.000 | 104.000.000.000       | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LƯU THỊ NGOC                            | 42 Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                          | Cổ phần phổ thông         | 5.200.000  | 52.000.000.000        | 20,000    | 001164017638                                                                                |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   | Tổng số                   | 5.200.000  | 52.000.000.000        | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                                                   |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                     |                                    |                |                     |        |           |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|---------------------|--------|-----------|
| 3 | BÙI NAM<br>LONG | Số 18, Quách<br>Nhẫn 2, Phường<br>Ngô Quyền,<br>Thành phố Bắc<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.400.<br>000 | 104.000.000.00<br>0 | 40,000 | 122191998 |
|   |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                   | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                   | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                   | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                   | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                                     | Tổng số                            | 10.400.<br>000 | 104.000.000.00<br>0 | 40,000 |           |
|   |                 |                                                                                                     |                                    |                |                     |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ VĂN PHÚ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *09/09/1959*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *142578777*

Ngày cấp: *12/12/2009*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *2A/33 Bắc Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ PHA1, Tầng 26, Tháp A, Tòa nhà Hong Kong Tower, 243A Đê La Thành, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang*